TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 01 - 2026
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2447/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 16/11/2006. Số CCCD: 096306007585, cấp ngày 25/8/2022. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã D, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh ngày 10/4/2004. Số CCCD: 096204008699, cấp ngày 17/6/2022. Địa chỉ cư trú: Khóm 22, phường T, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Võ Thị Huỳnh N trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Trọng T kết hôn với nhau vào ngày 09/4/2025 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2025), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã ly thân nhau hơn 03 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Trọng T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh T đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Trọng T đến để tham gia các phiên xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Chị N và anh T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2025) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống, chị N xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện chị N xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Để tạo điều kiện cho chị N và anh T hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án triệu tập các đương sự đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N, không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, việc này cho thấy anh T cũng không có tha thiết, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị N kiên quyết xin ly hôn với anh T. Xét thấy, hôn nhân của chị N với anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị N khai không có.

[5] Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N xác định không có. Anh T không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của chị N.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Huỳnh N xin ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Võ Thị Huỳnh N phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 14/11/2025, chị N nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004651 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND KV1- Cà Mau;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- UBND phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thùy Nhiêu